BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 1022-QĐ/KHXH

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026

- Căn cứ Quyết định số 12-QĐ/TW ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-KHXH ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Căn cứ Công văn số 1881/BTC-KTN ngày 12/02/2026 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (vốn trong nước) năm 2026 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

- Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính,

CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 được điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3,
- Lưu VT, Ban KHTC.

CHỦ TỊCH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Lê Văn Lợi

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Học viện Khoa học xã hội

Mã số: 1103704

Mã KBNN: 0012

(Kèm theo Quyết định số 1022 -QĐ/KHXH ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
I. TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**31.842.000.000**	**2.700.000.000**	**2.700.000.000**	**31.842.000.000**
1. Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (loại 100-101)	**72.000.000**		-	**72.000.000**
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	72.000.000			72.000.000
2. Giáo dục sau đại học (loại 070-082)	**31.770.000.000**	**2.700.000.000**	**2.700.000.000**	**31.770.000.000**
2.1 Kinh phí thường xuyên	15.968.700.000		2.700.000.000	13.268.700.000
2.2 Kinh phí không thường xuyên	15.801.300.000	1.121.411.700		16.922.711.700
2.3. Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm tạo nguồn cải cách tiền lương		1.578.588.300		1.578.588.300

Ghi chú:
Thực hiện điều chỉnh kinh phí theo ý kiến của Bộ Tài chính số tiền 3.000.000.000 đồng: Tại QĐ số 1831/QĐ-KHXH ngày 31/12/2025 đã thực hiện tiết kiệm 10% để bổ sung nguồn an sinh xã hội số tiền là 300.000.000 đồng, do vậy số tiền điều chỉnh giảm là 2.700.000.000 đồng.

THÔNG BÁO ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Học viện khoa học xã hội

(Kèm theo Quyết định số 1022 -QĐ/KHXH ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

Đơn vị: đồng

MỤC	T/MỤC	TÊN MỤC	SỐ TIỀN
		A. TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
		B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	-
LOẠI 100-101		**SỰ NGHIỆP KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**	-
LOẠI 070-082		**GIÁO DỤC SAU ĐẠI HỌC**	-
		I. KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	**(3.000.000.000)**
6000, 6050, 6100, 6300		*** Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp**	**(1.150.433.000)**
6050, 6100, 6300, 6750		*** Chi trả lương lao động hợp đồng**	**(28.125.000)**
6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**	**(135.000.000)**
6550		**Vật tư văn phòng**	**(210.000.000)**
6600		**Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**	**(138.358.000)**
6700		**Công tác phí**	**(112.036.000)**
6750		**Chi phí thuê mướn**	**(6.048.000)**
6900		**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**(850.000.000)**
7000		**Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành**	**(290.000.000)**
7750		**Chi phí khác**	**(80.000.000)**
		II. KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	**1.421.411.700**
6900		**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**770.000.000**
	6902	Sửa chữa ô tô	80.000.000
	6908	Thiết bị phòng cháy, chữa cháy	450.000.000
	6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	240.000.000

MỤC	T/MỤC	TÊN MỤC	SỐ TIỀN
7000		**Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành**	**651.411.700**
	7049	***Chi phí khác***	***651.411.700***
		1. Thông tin, tư liệu, thư viện	126.000.000
		- Kinh phí bảo quản sách	30.000.000
		- Kinh phí xây dựng CSDL, số hóa tài liệu, khai thác tư liệu	36.000.000
		- Kinh phí mua sách giáo trình tài liệu học tập	60.000.000
		2. Công nghệ thông tin	222.600.000
		3. Chi các hoạt động đào tạo	302.811.700
		III. KINH PHÍ TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN TĂNG THÊM TẠO NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	**1.578.588.300**
C. KINH PHÍ TIẾT KIỆM 10% ĐỂ BỔ SUNG NGUỒN AN SINH XÃ HỘI			
D. TỔNG KINH PHÍ CÒN LẠI SAU TIẾT KIỆM 10%			